TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HS-ST
Ngày: 25-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Mỹ Hạnh

2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi thường trú: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện tại: A T, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (đã chết) và bà Lưu Thị T, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án số 28/2021/HS-ST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" chấp hành xong hình phạt tù và án phí ngày 16-02-2023.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01-11-2024, chuyển tạm giam ngày 07-11-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố V – Trại tạm giam Công an tỉnh B *(có mặt)*.

2. Nguyễn Gia B, sinh năm 2000 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi thường trú: 125 KV2 ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở hiện tại: 4 T, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Quốc B1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bản án số 28/2021/HS-ST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong hình phạt tù và án phí ngày 23-12-2023.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01-11-2024, chuyển tạm giam ngày 07-11-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố V – Trại tạm giam Công an tỉnh B *(có mặt)*.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 05-6-2009; nơi thường trú: 1 H, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*.

2. Chị Dương Thị Kỳ D1, sinh ngày 18-5-2007; nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai *(có mặt)*.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Người đại diện hợp pháp cho chị N1: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; nơi thường trú: 1 H, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)*.

2. Người đại diện hợp pháp cho chị D1: Bà Dương Bích T1, sinh năm 1990; nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai *(có mặt)*.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Lưu Thị T, sinh năm 1972; nơi ở hiện tại: A T, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị* N1*:* Bà Hồ Thị H, sinh năm 1985 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B *(có mặt)*.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Ngọc Quỳnh N2, sinh ngày 18-6-2007; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt)*.

Người đại diện hợp pháp của chị N2: Bà Đặng Thị Diễm M; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

2. Anh Nguyễn Hoàng Quốc B2, sinh ngày 16-9-2006; nơi ở hiện tại: G Đ, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

3. Bà Lê Nguyễn Bích T2, sinh năm 1978; nơi ở hiện tại: A H, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 24-10-2024, do cần tiền tiêu xài nên Nguyễn Văn L điều kiển xe mô tô biển số 83C1-397-54 chở Nguyễn Gia B đi trên một số tuyến đường trên địa bàn thành phố V để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người đi đường. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã điều tra, làm rõ các vụ cướp giật tài sản như sau:

Vụ thứ nhất: Vào buổi tối ngày 24-10-2024, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 83C1-397-54 chở Nguyễn Gia B đến khu vực ngã ba đường T - T thuộc phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì thấy hai người phụ nữ điều khiển xe mô tô lưu thông phía trước, mang theo 01 chiếc túi xách để ở giữa hai người ngồi trên xe mô tô nên L tăng ga cho xe mô tô của mình chạy vượt lên rồi áp sát từ phía bên trái xe mô tô của hai người phụ nữ này. Khi L vừa áp sát thì người phụ nữ ngồi sau xe nghi ngờ đã ôm giữ chiếc túi xách lại nên B không giật được chiếc túi xách trên, sau đó cả hai chở nhau bỏ chạy về hướng khu vực B, thành phố V. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhân thân lai lịch hai người phụ nữ này để làm việc nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện vụ cướp giật tài sản trên không thành, L và B tiếp tục chở nhau đến giữa khu vực dốc N, đường H, thuộc phường B, thành phố V. Khi thấy anh Nguyễn Hoàng Quốc B2 điều khiển xe mô tô hiệu Piaggo Vespa, màu Xanh, biển số 72C1-045.68 lưu thông cùng chiều phía trước, sau xe chở bạn gái là Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 05-6-2009 có mang theo 01 chiếc túi xách bằng vải (theo N1 bên trong túi có số tiền 300.000 đồng) đeo ở trên vai, L tăng ga cho xe mô tô của mình chạy vượt lên áp sát từ phía bên trái xe mô tô của anh Quốc B2, còn B ngồi sau xe dùng tay phải giật lấy làm đứt dây chiếc túi xách. Lúc này, N1 dùng tay nắm lấy dây của chiếc túi xách nên giật lại được chiếc túi xách của mình. Do không giật được tài sản nên L chở B bỏ chạy về hướng đường L ra khu vực B thuộc phường A, thành phố V.

Vụ thứ ba: Thực hiện vụ thứ hai không thành, L và B tiếp tục chở nhau đi tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến khu vực chân dốc N, đường H, thuộc phường B, thành phố V, L và B thấy chị Lê Ngọc Quỳnh N2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, biển số 60B9-798.73, sau xe chở chị Dương Thị Kỳ D1 lưu thông cùng chiều phía trước nên L điều khiển cho xe mô tô vượt lên, áp sát phía bên trái xe mô tô của chị N2 để B ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị D1 đang để ở giữa hai người. Khi B vừa dùng tay giật lấy tài sản thì chị D1 dùng tay giữ lại túi xách nên bị B kéo chị D1 ngã xuống đường gây thương tích, B giật lấy được túi xách, rồi cùng L chạy về hướng B đi vào khu vực hẻm A đường H, phường T, thành phố V. Sau đó, cả hai kiểm tra bên trong chiếc túi xách thì có một chiếc bóp vải lông màu đen, in hình trái tim màu hồng, bên trong có số tiền 4.175.000 đồng và một số giấy tờ tuỳ thân của chị D1. B chia cho L số tiền 2.000.000 đồng, B lấy 2.000.000 đồng, số tiền còn lại và giấy tờ của chị D1, B để vào chiếc bóp vải lông màu đen, cất vào túi quần của mình, còn lại chiếc túi xách B vứt ở vỉa hè. Sau đó, cả hai đi đến cơ sở M2 ở số A đường H, phường B, thành phố V thư giãn. Sau khi massage xong, B đưa chiếc bóp vải lông màu đen của chị D1 cho chủ cơ sở là chị Lê Nguyễn Bích T2, nhờ chị T2 trả lại cho chủ sở hữu tài sản. Chị T2 kiểm tra bên trong chiếc bóp có tài sản gồm: 01 căn cước công dân số 075307002639 mang tên Dương Thị Kỳ D1; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60B9-798.73 mang tên Lê Trung H1; 01 thẻ ATM của ngân hàng B3 mang tên Dương Thị Kỳ D1 và số tiền 175.000 đồng, sau đó đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 484/KLTTCT-PYBRVT ngày 25-11-2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh B, kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Dương Thị Kỳ D1 tại thời điểm giám định là 04%.

Đối với tài sản là 02 chiếc túi xách mà Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B chiếm đoạt của cháu Nguyễn Thị Yến N1 và chị Dương Thị Kỳ D1 do tài sản sử dụng đã lâu, không còn giá trị sử dụng nên không có căn cứ để tiến hành định giá, xác định giá trị đối với các tài sản này theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 01-11-2024, L và B bị bắt giữ, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- Đối với 01 cái bóp vải lông màu đen, in hình trái tim màu hồng; 01 (một) căn cước công dân số 075307002639 mang tên Dương Thị Kỳ D1; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000452 (60B9-798.73) mang tên Lê Trung H1; 01 (một) thẻ ATM của ngân hàng B3 mang tên Dương Thị Kỳ D1; số tiền: 175.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại người bị hại là chị Dương Thị Kỳ D1.

- 01 đôi dép nhựa tổ ong, màu đỏ, mặt dưới có dòng chữ "XXL Tâm A", "999 SPEEDCAR"; 01 (một) cái nón bảo hiểm màu Xanh – Trắng, trên nón có dòng chữ "mobifone" thu giữ của Nguyễn Gia B.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xanh – Trắng, biển số: 83C1-397.54, số khung: 5P10DY317156, số máy: 55P1217164; 01 cái áo thun màu hồng, có cổ - ngắn tay (thu giữ của Nguyễn Văn L). Qua xác minh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã xác định chủ sở hữu xe mô tô biển số 83C1-397.54 là anh Nguyễn Văn N3 do không có nhu cầu sử dụng đã bán cho một người (không rõ nhân thân lai lịch). Sau đó, bà Nguyễn Thị T3 (là mẹ của Nguyễn Văn L) mua lại để gia đình sử dụng, sau đó L lấy xe mô tô này thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 24-10-2024, bà T3 hoàn toàn không biết.

Hiện Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V đã chuyển các vật chứng còn lại đến Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý, chờ xử lý.

- 01 đĩa DVD chứa các đoạn video ghi nhận sự việc Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B đến cơ sở massage và đưa chiếc bóp cho chị Lê Nguyễn Bích T2 lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Yến N1 không có yêu cầu gì.

- Tại phiên tòa, chị Dương Thị Kỳ D1 yêu cầu bồi thường các bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 4.000.000 đồng, số tiền chữa trị vết thương là 1.500.000 đồng và tiền thu nhập thực tế bị mất trong 14 ngày nghỉ dưỡng là 4.200.000 đồng; tổng cộng chị D1 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 9.700.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 72/CT-VKSVT ngày 13-3-2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Gia B về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Gia B về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Gia B từ 05 năm đến 06 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng là 01 đôi dép nhựa tổ ong, màu đỏ, mặt dưới có dòng chữ "XXL Tâm A", "999 SPEEDCAR"; 01 cái nón bảo hiểm màu X – Trắng, trên nón có dòng chữ "mobifone" thu giữ của Nguyễn Gia B và 01 cái áo thun màu hồng, có cổ - ngắn tay thu giữ của Nguyễn Văn L.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xanh – Trắng, biển số 83C1-397.54, số khung: 5P10DY317156, số máy: 55P1217164; qua xác minh xác định bà Lưu Thị Tuyết M1 lại chiếc xe này để gia đình sử dụng nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

01 đĩa DVD chứa các đoạn video ghi nhận sự việc Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B đến cơ sở massage và đưa chiếc bóp cho chị Lê Nguyễn Bích T2 lưu theo hồ sơ vụ án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại là chị D1, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị D1 số tiền là 4.850.000 đồng.

- Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tài liệu chứng cứ thu thập đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Gia B tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 24-10-2024, tại khu vực dốc N, đường H thuộc phường B, thành phố V, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 83C1-397.54 chở Nguyễn Gia B áp sát xe mô tô do anh Nguyễn Hoàng Quốc B2 chở chị Nguyễn Thị Yến N1, B dùng tay phải giật chiếc túi xách làm đứt dây chiếc túi, chị N1 dùng tay nắm lấy dây của chiếc túi xách nên giật lại được chiếc túi xách của mình. Tại thời điểm này, bên trong chiếc túi xách có số tiền 300.000 đồng của chị Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 05-6-2009.

Sau đó, khoảng 21 giờ 30 phút ngày 24-10-2024, tại khu vực chân dốc N, đường H thuộc phường B, thành phố V, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển số 83C1-397.54 chở Nguyễn Gia B áp sát xe mô tô do chị Lê Ngọc Quỳnh N2 chở chị Dương Thị Kỳ D1, B ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị D1 đang để ở giữa hai người. Chị D1 dùng tay giữ lại túi xách nên bị B kéo chị D1 ngã xuống đường, B giật lấy túi xách rồi cùng L chạy về hướng B, thành phố V. Tại thời điểm này bên trong chiếc túi có số tiền 4.175.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của chị D1.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn L, Nguyễn Gia B đã chiếm đoạt là 4.475.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Gia B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" và "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" theo quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự trị an địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động mà vẫn muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tương xứng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L là người khởi xướng và điều khiển xe mô tô chở bị cáo B tẩu thoát sau khi cướp giật; bị cáo B là người trực tiếp cướp giật tài sản. Do đó, trong vụ án này, vai trò của cả hai bị cáo là như nhau, đều là người thực hành.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án số 28/2021/HS-ST ngày 26-01-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, bị cáo Nguyễn Văn L bị xử phạt 03 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong hình phạt tù và án phí ngày 16-02-2023 và bị cáo Nguyễn Gia B bị xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong hình phạt tù và án phí ngày 23-12-2023; cả hai bị cáo đều chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện nhiều hành vi "Cướp giật tài sản". Do vậy, lần phạm tội này cả hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" và "Tái phạm" quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù và chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi bản thân mà tiếp tục thực hiện nhiều vụ cướp giật tài sản. Điều này cho thấy các bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục cải tạo; mặc dù bị cáo biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do thiếu ý thức tu dưỡng, lười lao động, thích hưởng thụ nên bị cáo đã bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng là 01 đôi dép nhựa tổ ong, màu đỏ, mặt dưới có dòng chữ "XXL Tâm A", "999 SPEEDCAR"; 01 cái nón bảo hiểm màu X – Trắng, trên nón có dòng chữ "mobifone" thu giữ của Nguyễn Gia B và 01 cái áo thun màu hồng, có cổ - ngắn tay thu giữ của Nguyễn Văn L.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu Xanh – Trắng, biển số 83C1-397.54, số khung: 5P10DY317156, số máy: 55P1217164; quá trình điều tra xác định bà Lưu Thị Tuyết M1 lại chiếc xe này để gia đình sử dụng, không biết L lấy xe mô tô này thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại tài sản này cho bà T3.

- 01 đĩa DVD chứa các đoạn video ghi nhận sự việc Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B đến cơ sở massage và đưa chiếc bóp cho chị Lê Nguyễn Bích T2 lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

[7.1] Chị Nguyễn Thị Yến N1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7.2] Chị Dương Thị Kỳ D1 yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 4.000.000 đồng, số tiền chữa trị vết thương là 1.500.000 đồng và tiền thu nhập thực tế bị mất trong 14 ngày nghỉ dưỡng là 4.200.000 đồng; tổng cộng chị D1 yêu cầu

các bị cáo phải bồi thường số tiền 9.700.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B là đồng phạm đều có vai trò như nhau trong việc thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị D1. Xét thấy, yêu cầu của chị D1 là hợp lý và tại phiên tòa các bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của chị D1. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, bị cáo L phải bồi thường cho chị D1 4.850.000 đồng và bị cáo B phải bồi thường cho chị D1 4.850.000 đồng.

[8] Các nội dung có liên quan khác:

[8.1] Đối với hành vi cướp giật tài sản mà Nguyễn Văn L và Nguyễn Gia B thực hiện ở khu vực ngã ba đường T - T thuộc phường A, thành phố V vào ngày 24-10-2024, do chưa xác định được người bị hại nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[8.2] Đối với thương tích của chị Dương Thị Kỳ D1 với tỷ lệ 04% tổn thương cơ thể do hành vi cướp giật tài sản của L và B gây ra chưa đủ tỷ lệ theo quy định nên không áp dụng tình tiết định khung tặng nặng tại điểm e khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn L, Nguyễn Gia B phạm tội "Cướp giật tài sản".

1.1. Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-11-2024.

1.1. Áp dụng các điểm d, g khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia B 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-11-2024.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự:

3.1. Bị cáo Nguyễn Văn L có nghĩa vụ bồi thường cho chị Dương Thị Kỳ D1 số tiền 4.850.000đ *(Bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng)*.

3.2. Bị cáo Nguyễn Gia B có nghĩa vụ bồi thường cho chị Dương Thị Kỳ D1 số tiền 4.850.000đ *(Bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 242.500đ *(Hai trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người đại diện của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ THAHS Công an tỉnh BR-VT;
- PC10 Công an tỉnh BR-VT;
- PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- CCTHADS thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện của bị hại;
- Người có QL, NV liên quan đến vụ án;
- Người BV quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên